

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày: 23/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Bá Chương

2. Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 412/2025/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 1994; Giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); Hộ khẩu thường trú: tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: 15/18 đường số H, khu phố A, phường T, thành phố T (nay là khu phố G, phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 07/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Trần Giang N và bà Nguyễn Thị Đ; vợ Cao Thị Mỹ H1; bị cáo có 01 con sinh năm 2021; Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 04/12/2024 (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Hoài N1, sinh năm 2001

Địa chỉ: căn hộ A, chung cư C, số B đường P, phường H, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985

Địa chỉ: nhà không số đường V, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

+ Anh Ngô Đức C, sinh năm 2000

Địa chỉ: số A T, phường P, thành phố T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Từ tháng 05/2024 đến ngày 29/9/2024, Trần Văn H (Sinh năm 1994) là nhân viên Công ty G (gọi tắt là GHTK) thường xuyên nhận hàng của anh Nguyễn Hoài N1 để mang về kho GHTK nhiều lần nên cả hai có liên lạc với nhau qua ứng dụng Zalo nhưng đến ngày 29/9/2024 thì H đã nghỉ làm tại GHTK. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/9/2024, anh N1 đặt ứng dụng “GHTK” giao 02 chiếc Laptop sau đó gọi Z cho H nói để 02 gói hàng tại kệ giao nhận hàng sảnh A1, chung cư C, số B đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhờ H đến lấy để đưa về kho. Mặc dù đã nghỉ làm tại GHTK nhưng do cần tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định lấy hàng của anh N1 mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H mặc đồng phục GHTK điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh đen, biển số 76E1-667.71 đi đến kệ giao nhận hàng tại sảnh A1, chung cư C để lấy 02 gói hàng của anh N1 gồm 01 Laptop Dell Latitude 7400, I7 và 01 Laptop Dell L, I5 mang ra để trong túi đựng hàng gắn ở phía sau xe rồi điều khiển xe chạy về phòng trọ tại địa chỉ 1 đường số H, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi về đến phòng trọ, H mở 02 gói hàng ra xem thì thấy bên trong là 02 chiếc laptop hiệu Dell màu đen được gói trong túi bọc bằng nilon chống sốc. Do không biết bán laptop trên cho ai, khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày H liên lạc với Lê Thanh S (sinh năm 1992, bạn H) nói có laptop không còn nhu cầu sử dụng nhờ tìm chỗ bán H sẽ cho S tiền cà phê, S đồng ý. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 30/9/2024, H điều khiển xe mô tô biển số 76E1-667.71 chở S đi đến cửa hàng vi tính “N”, địa chỉ số A, đường H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì H đứng ngoài xe chờ còn S cầm Laptop D Latitude 7320-i5 vào gặp là anh Lê Hoàng X (sinh năm 1995, nhân viên cửa hàng) hỏi bán. Anh X kiểm tra tình trạng máy và báo cho anh Nguyễn Văn P (sinh năm 1985, chủ cửa hàng). Anh P đồng ý mua chiếc laptop giá 3.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, S ra gặp H và đưa cho H 3.500.000 đồng, H đưa lại 200.000 đồng cho S tiền giúp H tìm chỗ bán laptop. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 03/10/2024, H tiếp tục mang chiếc laptop hiệu Dell latitude 7400-i7 đến cửa hàng máy tính “ICT” địa chỉ số A, đường T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp anh Ngô Đức C (sinh năm 2000) để hỏi bán. Sau khi kiểm tra, anh C đồng ý

mua chiếc laptop với giá 2.700.000 đồng, H đồng ý. Tiền bán 02 chiếc laptop Huyền đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 29/11/2024, anh Nguyễn Hoài N1 đến Công an Phường H trình báo sự việc bị chiếm đoạt tài sản. Qua kiểm tra camera an ninh tại chung cư C, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã mời H đến trụ sở làm việc. Quá trình điều tra, Trần Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với các chứng cứ và tài liệu khác thu thập được.

* Kết luận định giá tài sản số 248-KV2/KLĐG-HĐĐGTS của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố T kết luận:

+ 01 Laptop Dell L, I7-8665, Ram 16GB, SSD 256GB, màn hình Full HD trị giá 8.500.000 đồng.

+ 01 Laptop Dell L, I5-1145G7, Ram 16GB SSD 256GB, màn hình Full HD trị giá 9.067.000 đồng.

Tổng tài sản trị giá 17.567.000 đồng.

* Vật chứng vụ án:

+ 01 Laptop Dell L, I7-8665, Ram 16GB, SSD 256GB, màn hình Full HD; 01 Laptop Dell Latitude 7320, I5-1145G7, Ram 16GB SSD 256GB, màn hình Full HD, 01 dây sạc Laptop hiệu Dell, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Hoài N1, là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76E1-667.71. Qua xác minh xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76E1-667.71 do chị Cao Thị Mỹ H1 (sinh năm 1998, vợ của bị cáo Trần Văn H) là chủ sở hữu hợp pháp, ngày 30/9/2024, chị H1 cho bị cáo mượn xe để đi công việc, chị H1 không biết và không tham gia vào việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị H1.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hoài N1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác; anh Nguyễn Văn P yêu cầu Trần Văn H bồi thường số tiền 3.500.000 đồng, chưa được bồi thường; anh Ngô Đức C không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[2] Bản cáo trạng số 358/CT-VKSTĐ ngày 29/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị

cáo Trần Văn H với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự, nghị Hội đồng xét xử xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Vào ngày 30/9/2024 tại sảnh A1, chung cư C, số B đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Văn H đã có hành vi giả làm nhân viên Công ty giao hàng tiết kiệm để chiếm đoạt 02 laptop có tổng trị giá 17.567.000 đồng của anh Nguyễn Hoài N1 sau đó đã bị bắt giữ.

Hành vi của bị cáo Trần Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn P, anh Ngô Đức C là những người đã mua Laptop của bị cáo không biết tài sản là do bị cáo phạm tội mà có. Do đó không có căn cứ để xử lý hình sự.

Đối với anh Lê Thanh S là người đã đi cùng với bị cáo bán L không biết tài sản là do bị cáo phạm tội mà có. Do đó không có căn cứ để xử lý hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ 01 Laptop Dell L, I7-8665, Ram 16GB, SSD 256GB, màn hình Full HD; 01 Laptop Dell Latitude 7320, I5-1145G7, Ram 16GB SSD 256GB, màn hình Full HD, 01 dây sạc Laptop hiệu Dell; ngày 07/02/2025, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Nguyễn Hoài N1;

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76E1-667.71. Qua xác minh xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76E1-667.71 do chị Cao Thị Mỹ H1 (vợ của bị cáo) là chủ sở hữu hợp pháp, ngày 30/9/2024, chị H1 cho bị cáo mượn xe để đi công việc, chị H1 không biết và không tham gia vào việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 07/02/2025, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T đã trả lại chiếc xe trên cho chị Cao Thị Mỹ H1.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hoài N1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn P đã giao nộp lại máy tính xách tay hiệu Dell Latitude 7320-I5, yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.500.000 đồng, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024.

3. Áp dụng Đ1 b Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn H trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- Cơ quan CSĐT Công an TP . HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa, Công an TP. HCM;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. HCM;
- THADS TP . HCM;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu